TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2023/DS-ST
Ngày 27-9-2023
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Trần Ngọc Bích

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 721/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đỗ Minh T**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số 26, Đường số 6, khu dân cư Thới Nhựt, phường An Khánh, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tú Quyên, sinh năm 1980. Có mặt

Nơi cư trú: ấp Trường Khương A, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố C (Giấy ủy quyền ngày 26/9/2023).

Bị đơn: Ông **Huỳnh Hồ Ngọc A**, sinh năm 1988. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số 132/42/33 Hùng Vương, phường Thới Bình, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2022, ông Đỗ Minh T trình bày:

Ngày 29/10/2020, ông Huỳnh Hồ Ngọc A vay của ông số tiền 50.000.000 đồng; ngày 18/11/2020 vay 50.000.000 đồng; đến ngày 18/12/2020 vay thêm

30.000.000 đồng (có làm biên nhận), tổng cộng 130.000.000 đồng. Việc vay mượn không thỏa thuận lãi suất, nhưng ông A có giao cho ông thẻ ngành Công an.

Tháng 3/2021, ông yêu cầu ông A trả ông số nợ 130.000.000 đồng và cho đến nay ông A chỉ trả góp được 72.000.000 đồng tiền gốc; còn nợ lại 58.000.000 đồng.

Nay yêu cầu ông A trả số nợ gốc là 58.000.000 đồng và chịu lãi trên số nợ gốc là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tương ứng với thời gian chậm trả đến ngày 30/12/2022 là 19.877.000 đồng. Tổng cộng là 77.877.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và điều chỉnh ngày tính lãi là từ ngày 01/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc là 58.000.000 đồng (0,83%/tháng). Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại quận N, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố C và đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về nội dung:

Ông Huỳnh Hồ Ngọc A có vay của ông Đỗ Minh T số tiền 130.000.000 đồng, cụ thể: Theo Biên nhận nợ ngày 29/10/2020 (Bản gốc), vay 50.000.000 đồng; Biên nhận ngày 18/11/2020 (Bản gốc), vay 50.000.000 đồng; Biên nhận ngày 18/12/2020 (Bản gốc), vay 30.000.000 đồng. Ông A có giao cho ông T giữ Giấy chứng minh Công an nhân dân để làm tin và cam kết trong vòng 03 tháng trả nợ.

Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày, ông A chỉ trả được số tiền 72.000.000 đồng; còn nợ lại 58.000.000 đồng đến nay không trả. Khi cho vay mượn tiền hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng bị đơn đã bội tín không trả nợ đúng hạn đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tính từ ngày 01/4/2021 trên số nợ 58.000.000 đồng là phù hợp.

Lãi suất được tính như sau:

Tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 27/9/2023 là 909 ngày.

58.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 909 ngày/30 ngày = 14.586.420 đồng.

Gốc cộng lãi: 58.000.000 đồng + 14.586.420 đồng = 72.586.420 đồng.

Tổng số nợ ông Huỳnh Hồ Ngọc A phải trả cho ông Đỗ Minh T là 72.586.420 đồng (Gốc: 58.000.000 đồng, lãi 14.586.420 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải nộp 3.629.321 đồng.

[5]. Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 1.947.000 đồng (theo Biên lai thu số 0001129 ngày 24/5/2023).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Hồ Ngọc A phải trả cho ông Đỗ Minh T tổng số nợ là 72.586.420 đồng (Gốc: 58.000.000 đồng, lãi 14.586.420 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải nộp 3.629.321 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 1.947.000 đồng (theo Biên lai thu số 0001129 ngày 24/5/2023).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Toà án nhân dân Tp. C;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. C;*
- *Viện kiểm sát nhân dân q. N;*
- *Chi cục Thi hành DS q. N;*
- *Lưu hồ sơ (15).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Quân